

ỦY BAN DÂN TỘC

CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016-2020
“Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở
Việt Nam đến năm 2030”, mã số CTDT/16-20

ĐỀ TÀI

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI Ở VÙNG
DÂN TỘC THIỂU SỐ NƯỚC TA**
Mã số CTDT.21.17/16-20

BÁO CÁO KHUYẾN NGHỊ

Chủ nhiệm đề tài: GS.TS Nguyễn Hữu Minh

**Tổ chức thực hiện đề tài: Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới
Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam**

Hà Nội, 2021

ỦY BAN DÂN TỘC

CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016-2020

“Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam đến năm 2030”, mã số CTDT/16-20

ĐỀ TÀI

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI Ở VÙNG
DÂN TỘC THIỂU SỐ NƯỚC TA

Mã số CTDT.21.17/16-20

BÁO CÁO KHUYẾN NGHỊ

Chủ nhiệm đề tài



GS.TS Nguyễn Hữu Minh



Tổ chức thực hiện đề tài

VIỆN TRƯỞNG

Trần Thị Minh Chi

Hà Nội, 2021

I/ Một số vấn đề cơ bản về bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số hiện nay

Vấn đề cơ bản về bình đẳng giới là những vấn đề cấp bách về giới, đòi hỏi được quan tâm với các biện pháp thúc đẩy cụ thể nhằm giảm khoảng cách giới và tăng cường bình đẳng nam nữ.

Về mặt chính trị, điểm nổi bật là định kiến giới về vai trò và năng lực lãnh đạo của phụ nữ và nam giới còn được bảo lưu, kể cả trong cán bộ các cấp và đặc biệt là ở nhóm học vấn thấp. Vẫn còn một bộ phận người dân chưa biết về quyền trong lĩnh vực chính trị của phụ nữ. Tỷ lệ phụ nữ tham chính ở các cấp cơ sở còn rất hạn chế.

Về lao động-việc làm, một vấn đề cơ bản hiện nay là khả năng tiếp cận thị trường và đóng góp của phụ nữ vào kinh tế gia đình còn thấp. Đồng thời, tỷ lệ lao động được đào tạo nghề cũng thấp. Lao động của phụ nữ tập trung chủ yếu ở khu vực nông nghiệp.

Về giáo dục, vấn đề cơ bản hiện nay là tiếp cận giáo dục của trẻ em dân tộc thiểu số còn bất lợi cho các trẻ em gái đối với một số dân tộc vẫn còn thấp kém về mặt kinh tế-xã hội. Ngoài ra, khác biệt giới trong học vấn ở những nhóm người từ 30 tuổi trở lên vẫn tồn tại theo hướng phụ nữ có trình độ thấp hơn. Điều này cho thấy bất bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục của người dân tộc thiểu số mang tính lịch sử và nhiều mặt trong khi lĩnh vực này rất quan trọng để đảm bảo tăng trưởng kinh tế và an sinh cho từng cá nhân.

Về chăm sóc sức khỏe, điều cần quan tâm là phụ nữ DTTS vẫn chưa được tiếp cận đầy đủ tới dịch vụ chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Có tỷ lệ đáng kể phụ nữ DTTS khi sinh đẻ chưa nhận được hỗ trợ của nhân viên y tế có kỹ năng, nhất là các dân tộc cư trú ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Suy dinh dưỡng ảnh hưởng đáng kể tới sức khỏe và sự phát triển của phụ nữ và trẻ em gái dân tộc thiểu số.

Trong đời sống gia đình, gánh nặng công việc nhà đang đè nặng lên vai phụ nữ DTTS. Họ có ít quyền ra quyết định đối với các công việc quan trọng của gia đình hơn so với người nam giới. Nam giới vẫn chiếm tỷ lệ chủ yếu đứng tên trên các giấy tờ sở hữu nhà, đất ở và điều đó gây ra những hạn chế nhất định đối với việc phát huy vai trò của phụ nữ trong hoạt động sản xuất và các quyết định gia đình khác.

Mong muốn có con trai vẫn đè nặng lên tâm trí và hành động của người dân các dân tộc phụ hệ. Tỷ lệ tảo hôn còn nặng nề ở một số dân tộc thiểu số. Ngoài ra,

một số DTTS vẫn còn tình trạng kết hôn cận huyết. Bạo lực của chồng đối với vợ còn là vấn đề nổi cộm trong đời sống của người DTTS. Nhiều phụ nữ DTTS cũng có thái độ chấp nhận bạo lực do người chồng hoặc bạn tình gây ra. Vấn đề buôn bán phụ nữ và trẻ em gái đang diễn ra rất phức tạp ở cộng đồng vùng DTTS.

Ngoài ra, những hạn chế về năng lực quản lý nhà nước đối với công tác bình đẳng giới ở vùng DTTS cũng như sự bất cập trong việc lồng ghép giới vào các chính sách phát triển vùng DTTS cũng đã được chỉ ra.

II/ Quan điểm triển khai thực hiện về bình đẳng giới ở vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2021- 2030

Nhận thức rõ ý nghĩa quan trọng của việc thúc đẩy bình đẳng giới trong sự phát triển kinh tế-xã hội nói chung ở vùng dân tộc thiểu số, Đề án tổng thể Phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 đã xác định một hệ thống các chính sách và giải pháp toàn diện hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, trong đó nhấn mạnh đến việc thực hiện “bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em”. Trên tinh thần đó, để thúc đẩy việc thực hiện BDG ở vùng DTTS đề tài đã nhận diện các xu hướng bình đẳng giới cơ bản trên từng lĩnh vực, đồng thời đề xuất một hệ thống 5 quan điểm cơ bản thúc đẩy bình đẳng giới ở vùng DTTS như sau:

1. Công tác bình đẳng giới là một bộ phận hữu cơ của Đề án tổng thể/Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, là nền tảng của chiến lược phát triển bền vững của Đảng và Nhà nước. Thúc đẩy bình đẳng giới cần phải là một nội dung xuyên suốt trong các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của mọi người dân vùng dân tộc thiểu số và bảo đảm cơ hội và quyền hưởng thụ bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới vùng dân tộc thiểu số, không để ai bị bỏ lại phía sau trong công cuộc phát triển đất nước. Tạo điều kiện để mọi người và mọi cộng đồng trong xã hội có cơ hội bình đẳng để phát triển, được tiếp cận những nguồn lực chung và được tham gia, đóng góp và hưởng lợi, tạo ra những nền tảng vật chất, tri thức và văn hóa tốt đẹp cho những thế hệ mai sau.

2. Thúc đẩy bình đẳng giới là sự nghiệp của toàn Đảng toàn dân. Cần tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, trách nhiệm quản lý của chính quyền, sự phối hợp của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội khác, sự tham gia của mọi thành phần kinh tế của từng cá nhân, gia đình và toàn xã hội ở vùng dân tộc

thiếu số đối với công tác bình đẳng giới. Huy động tối đa mọi nguồn lực để thực hiện có hiệu quả công tác bình đẳng giới. Nâng cao trách nhiệm giải trình của các cấp, các ngành trong quản lý nhà nước về bình đẳng giới. Tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành trong giải quyết các vấn đề giới. Kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, xử lý vi phạm pháp luật về bất bình đẳng giới và bạo lực trên cơ sở giới.

3. Các quan điểm, chủ trương của Đảng cần được tiếp tục thể chế hóa thành các chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với phụ nữ và bình đẳng giới ở vùng DTTS theo hướng đảm bảo bình đẳng giới thực chất vì sự phát triển bền vững. rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật thúc đẩy bình đẳng giới đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Chính sách bình đẳng giới đối với DTTS cần nhìn nhận từ quan điểm động trong phát triển, nghĩa là cần phải phát huy nội lực của phụ nữ dân tộc thiểu số, hỗ trợ và giúp đỡ họ không rơi vào hoàn cảnh khó khăn, cùng cực, bị tách biệt xã hội mà vươn lên, tự chủ trong cuộc sống của mình. Phụ nữ dân tộc thiểu số cần được hưởng lợi trong quá trình phát triển từ những quyền được tiếp cận thông tin, quyền được hưởng các hỗ trợ của nhà nước, của xã hội và của cộng đồng, được tiếp cận một cách đầy đủ các dịch vụ thiết yếu trong đời sống xã hội như giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe và tham gia các hoạt động xã hội.

4. Tăng cường lồng ghép giới, bảo đảm đưa các chỉ tiêu, nhiệm vụ về bình đẳng giới ở các lĩnh vực vào việc xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành vùng DTTS. Đảm bảo việc giám sát và đánh giá trong quá trình thực hiện và bố trí nguồn lực nhằm thực hiện thành công các mục tiêu về bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số.

5. Quan tâm tới yếu tố văn hóa của các dân tộc trong việc đề ra các giải pháp nhằm thúc đẩy bình đẳng giới một cách có hiệu quả nhất. Gắn các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới với hương ước, phong tục, tập quán của người dân nhằm tạo ra sự đồng thuận cao nhất đối với việc thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.

III/ Giải pháp chung thúc đẩy bình đẳng giới ở các nhóm tộc người thiểu số

Từ hệ thống quan điểm nêu trên, đề tài đã nêu ra hệ thống 5 nhóm giải pháp chung nhằm thúc đẩy bình đẳng giới ở các nhóm tộc người thiểu số. Trước hết là giải pháp xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá việc thực hiện chính sách BDG.

Căn cứ trên các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng và thực hiện chính sách bình đẳng giới, căn cứ các bộ chỉ tiêu quốc gia như: Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới quốc gia, Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam và các yêu cầu thống kê trong Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011- 2020, các chỉ tiêu đánh giá về bình đẳng giới trong giai đoạn mới cần đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Những vấn đề trọng tâm và các giải pháp xây dựng chính sách mang tính chiến lược trong giai đoạn 2021- 2030 đối với vùng DTTS vừa đảm bảo tính phù hợp, cập nhật về pháp luật và các công ước quốc tế vừa đảm bảo thực hiện hiệu quả mục tiêu phát triển bền vững ở vùng DTTS và miền núi phù hợp với các cam kết quốc tế của Chính phủ Việt Nam với các tổ chức quốc tế.

- Cần có những định hướng chiến lược lâu dài và bền vững đối với vùng DTTS và miền núi trong bối cảnh xã hội trong nước và quốc tế đang có nhiều thay đổi nhanh chóng.

- Để hướng tới mục tiêu phát triển bao trùm, lấy con người là trung tâm cho quá trình phát triển, các chỉ tiêu bình đẳng giới phải hướng tới sự phát triển của phụ nữ và trẻ em gái.

Trên cơ sở đó, đề tài đã xây dựng nhóm các chỉ tiêu về bình đẳng giới cụ thể theo các lĩnh vực chính trị, giáo dục, lao động-việc làm, chăm sóc sức khỏe, đời sống gia đình và bạo lực trên cơ sở giới. Trước mỗi nhóm chỉ tiêu đề tài đều nêu rõ về căn cứ xây dựng chỉ tiêu và mục tiêu của lĩnh vực. Các chỉ tiêu đề xuất đều được nêu yêu cầu về phân tổ, bảo đảm tính khả thi trong thu thập thông tin sau này. Tổng hợp lại có 11 chỉ tiêu trong lĩnh vực chính trị; 14 chỉ tiêu trong lĩnh vực giáo dục-đào tạo; 14 chỉ tiêu trong lĩnh vực lao động-việc làm; 19 chỉ tiêu trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe; 4 chỉ tiêu trong đời sống gia đình; 14 chỉ tiêu trong lĩnh vực bạo lực trên cơ sở giới.

Bốn nhóm giải pháp chung khác nhằm thúc đẩy BDG ở vùng DTTS, bao gồm:

(1) Lồng ghép các mô hình bình đẳng giới trong các chính sách phát triển ở vùng DTTS: Lồng ghép vấn đề giới và các chính sách trong lĩnh vực phát triển kinh tế nhằm xóa đói giảm nghèo; Lồng ghép vấn đề giới trong lĩnh vực truyền thông và nâng cao nhận thức luật pháp ở các nhóm DTTS.

(2) Xây dựng các kế hoạch truyền thông về thay đổi nhận thức và hành vi đáp ứng mục tiêu bình đẳng giới ở các nhóm DTTS với các yêu cầu: Các sản phẩm truyền thông cần phải xây dựng theo đặc thù văn hóa tộc người của từng vùng, từng

nhóm; Các sản phẩm truyền thông in cần cân nhắc khu vực phát hành; Nội dung các sản phẩm truyền thông cần cân nhắc lồng ghép vấn đề giới thông qua các câu chuyện, hoạt động sinh hoạt thường ngày.

(3) Xây dựng cơ sở dữ liệu và cơ chế thu thập dữ liệu phục vụ việc đánh giá chính sách và định hướng cho chiến lược BĐG ở vùng DTTS: Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia về bình đẳng giới và ở vùng DTTS; Cơ chế thu thập dữ liệu.

(4) Cơ chế triển khai thực hiện các chính sách về BĐG: Lồng ghép giới trong quy trình xây dựng ngân sách nhà nước; Ban hành chính sách; Giám sát và kiểm tra thực hiện; Các tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện; Thu thập các số liệu về tình hình thực hiện các mục tiêu BĐG.

IV/ Giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên các lĩnh vực cơ bản

Đối với 6 lĩnh vực cụ thể (chính trị, giáo dục, kinh tế-việc làm, chăm sóc sức khoẻ, đời sống gia đình, bạo lực trên cơ sở giới), đề tài nêu ra nhóm 8 giải pháp chung và những giải pháp cụ thể tương ứng với từng lĩnh vực. Tám giải pháp chung bao gồm:

1. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp luật và chính sách nhằm tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động thực hiện Chiến lược bình đẳng giới. rà soát các văn bản bảo đảm tránh chồng chéo và thiếu hụt những quy định cụ thể đáp ứng yêu cầu của Luật Bình đẳng giới ở vùng DTTS. Có chính sách đặc thù và mang tính hệ thống về BĐG cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Hoàn chỉnh các văn bản hướng dẫn lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật đối với vùng DTTS nhằm đảm bảo tính thống nhất và khả năng thực thi.

2. Có sự cam kết mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị trong công tác BĐG. Tăng cường sự chỉ đạo và kiểm tra của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác bình đẳng giới nhằm tạo sự thống nhất cả về nhận thức và hành động trong triển khai thực hiện các mục tiêu về bình đẳng giới. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong việc chỉ đạo công tác lồng ghép giới, thực hiện các mục tiêu BĐG, trong giám sát và đánh giá, báo cáo thực hiện. Có chế tài xử lý những trường hợp không nộp báo cáo hoặc báo cáo không đạt tiến độ, không đạt yêu cầu về mục tiêu bình đẳng giới. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo liên quan đến việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, từ đó tổng kết các bài học kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả công tác bình đẳng giới. Tăng cường năng lực cho đội ngũ thanh tra về thực hiện pháp luật về bình đẳng giới ở các địa phương vùng DTTS.

3. Truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân là giải pháp căn bản, thường xuyên và lâu dài của việc thúc đẩy bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số. Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quan điểm, chủ trương của Đảng và quy định của pháp luật về BDG và VSTBPN đối với cán bộ quản lý và các tầng lớp nhân dân để có sự thống nhất hành động nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu BDG ở vùng dân tộc thiểu số. Đa dạng hóa các hoạt động truyền thông (qua phương tiện thông tin đại chúng bằng tiếng dân tộc; truyền thông trực tiếp bằng ngôn ngữ địa phương; trình bày các tiểu phẩm; tập huấn; v.v.), với hình thức phù hợp với điều kiện và khả năng của người dân. Có những thông điệp phù hợp tuyên truyền, nhân rộng những điển hình tốt, người có ảnh hưởng tại cộng đồng trong thực hiện bình đẳng giới đồng thời phê phán những khuôn mẫu giới lạc hậu. Thường xuyên rà soát về nội dung truyền thông, nhằm đảm bảo các thông điệp truyền thông không có định kiến giới. Nâng cao học vấn của người dân, giải quyết tình trạng tái mù chữ ở các địa phương, là cơ sở cho việc nâng cao nhận thức bình đẳng giới và khả năng thực hành bình đẳng giới. Triển khai các hoạt động truyền thông thu hút sự tham gia của nam giới và trẻ em trai trong thực hiện bình đẳng giới.

4. Xây dựng và phát triển các mô hình dịch vụ hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới, mô hình ngăn ngừa giảm thiểu bạo lực trên cơ sở giới cho cả nam và nữ, phù hợp với đặc điểm kinh tế-xã hội và truyền thống văn hóa của từng nhóm dân tộc. Tăng cường hỗ trợ phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ hỗ trợ bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số như: các trung tâm công tác xã hội cung cấp dịch vụ về bình đẳng giới; các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực trên cơ sở giới; v.v.

5. Tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới ở các địa phương vùng dân tộc thiểu số. Đảm bảo bố trí đủ cán bộ có chất lượng làm công tác bình đẳng giới theo vị trí việc làm. Nâng cao hiểu biết và kiến thức về giới và pháp luật bình đẳng giới cho đội ngũ cán bộ làm công tác hành pháp, tư pháp và đội ngũ tham mưu công tác bình đẳng giới các cấp. Đẩy mạnh phát triển đội ngũ công tác viên về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở cấp xã và thôn, bản, cụm dân cư. Phát huy vai trò của những người có uy tín ở mỗi địa phương trong việc hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới. Có các hình thức, biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới một cách phù hợp với từng nhóm dân tộc, đặc biệt quan tâm tới một số dân tộc thiểu số hiện còn ở trình độ phát triển thấp.

6. Lập ngân sách có tính đến yếu tố giới trong các hoạt động ở vùng dân tộc thiểu số. Ngân sách có trách nhiệm giới là một trong những mục tiêu và chỉ tiêu quan trọng của Mục tiêu phát triển bền vững số 5 về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ của Chương trình nghị sự 2030.

Luật Ngân sách nhà nước sửa đổi được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIII, và có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017 đã quán triệt quan điểm lồng ghép bình đẳng giới vào quá trình xây dựng Luật, trong đó đã có quy định nguyên tắc bảo đảm ưu tiên bố trí ngân sách để thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới và căn cứ lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm về bình đẳng giới. Tuy nhiên, ở cấp độ quốc gia vấn đề này cũng còn nhiều thách thức, đặc biệt là liên quan đến thực trạng nhận thức và năng lực lập kế hoạch tổ chức thực hiện của cán bộ địa phương trong thúc đẩy ngân sách có trách nhiệm giới còn hạn chế. Vì vậy cần tiếp tục nâng cao năng lực về lồng ghép giới và ngân sách có trách nhiệm giới; xây dựng bảng biểu cụ thể nhằm hỗ trợ cho việc xây dựng kế hoạch thực hiện ngân sách có trách nhiệm giới; xây dựng hướng dẫn chi tiết và thực hiện tiêu chí tự đánh giá phân loại ngân sách theo mức độ thúc đẩy bình đẳng giới.

Cung cấp đầy đủ kinh phí, đúng chương trình cho công tác bình đẳng giới ở địa phương. Nghiên cứu quy định tỷ lệ ngân sách dành cho hoạt động BDG trên phạm vi toàn quốc cũng như tại từng bộ, ngành và địa phương.

7. Thực hiện công tác thống kê giới theo quy định và tiến hành nghiên cứu, khảo sát, dự báo tình hình về bình đẳng giới trên các lĩnh vực ở vùng DTTS nhằm cung cấp các luận cứ khoa học cho việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới. Xây dựng cơ sở dữ liệu có kết nối giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị-xã hội, các cơ quan nghiên cứu để phục vụ kịp thời cho việc phân tích vấn đề giới ở vùng dân tộc thiểu số.

8. Tăng cường việc kiểm tra giám sát thực hiện chính sách. Đề cao vai trò của Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là Hội LHPN, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong quá trình giám sát thực thi luật pháp chính sách.

Hệ thống giải pháp ở các lĩnh vực cụ thể được đề xuất như sau:

1. Bình đẳng giới trong lĩnh vực tham chính

* Thể chế hóa chính sách đối với công tác quy hoạch, tạo nguồn cán bộ nữ dân tộc thiểu số. Tăng cường đào tạo bồi dưỡng cán bộ nữ dân tộc thiểu số là rất quan trọng để chuẩn bị nguồn cán bộ, tránh tình trạng chỉ đến kỳ đại hội mới rà soát xem có cán bộ nữ nào đủ tiêu chuẩn. Việc tạo nguồn cán bộ nữ phải bắt đầu từ cấp cơ sở và từ khi cán bộ mới tham gia công tác. Hoàn thiện cơ chế tuyển chọn, đề bạt cán bộ lãnh đạo dân tộc thiểu số ở các cấp theo hướng đảm bảo bình đẳng giới và

phù hợp với đặc điểm kinh tế-xã hội của địa phương. Không phân biệt về độ tuổi giữa nam và nữ trong quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, ... Hoàn thiện chính sách hỗ trợ cho người học thuộc đối tượng chính sách, người dân tộc, phụ nữ theo địa bàn, đặc biệt là các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn.

* Truyền thông thay đổi nhận thức, thay đổi hành vi của các nhà lãnh đạo và của toàn cộng đồng về bình đẳng giới và vai trò của phụ nữ trong tham chính. Đặc biệt nhấn mạnh đến phân tích các đặc điểm của nam giới và phụ nữ thuận lợi cho công tác lãnh đạo, quản lý.

* Đưa tiêu chí về công tác cán bộ nữ vào đánh giá, kiểm điểm hàng năm của các cơ quan. Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị về việc đảm bảo chỉ tiêu nữ tham gia lãnh đạo, quản lý. Các tổ chức có trách nhiệm xây dựng lộ trình cụ thể, chương trình hành động (bao gồm phát hiện, đánh giá/chọn lọc, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, đề bạt, bổ nhiệm) cho từng năm, từng giai đoạn, với mục tiêu đạt được các chỉ tiêu đề ra về tỷ lệ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý. Thường xuyên cập nhật và cung cấp dữ liệu hàng năm có phân tách giới tính về tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, luân chuyển và bổ nhiệm; phân tách giới tính theo các chức danh lãnh đạo. Xây dựng chế tài phù hợp, cụ thể đối với các trường hợp không đạt được chỉ tiêu đề ra.

* Tăng cường, ưu tiên đào tạo nhân lực cho các dân tộc thiểu số và các vùng đặc biệt khó khăn bằng các hình thức phù hợp.

2. Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động-việc làm

* rà soát, điều chỉnh các văn bản luật pháp, chính sách hiện hành theo hướng bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực kinh tế, cụ thể về tiếp cận việc làm, đào tạo nghề, tiếp cận nguồn vốn vay, thông tin thị trường, thông tin về chính sách, v.v.

* Xây dựng các chương trình đào tạo phương thức làm kinh tế phù hợp với phụ nữ dân tộc thiểu số. Mở rộng giáo dục nghề cho các đối tượng chính sách, người nghèo, cận nghèo là nữ. Chú trọng đào tạo ứng dụng công nghệ cung cấp thông tin (chính sách, pháp luật, công nghệ mới...). Nâng cao năng lực cho phụ nữ trong tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông. Nâng cao chất lượng của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thông qua đổi mới cơ chế hoạt động của các cơ sở này theo hướng gắn với thị trường lao động.

* Xây dựng các chính sách hỗ trợ phụ nữ làm doanh nghiệp nhỏ và cực nhỏ, các loại hình kinh tế tập thể (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ liên kết...) của phụ nữ. Quan tâm phát triển du lịch, nhất là du lịch sinh thái, gắn kết du lịch với giữ gìn, phát huy giá trị văn hoá các dân tộc thiểu số.

* Xác định và bảo đảm thực hiện các chỉ tiêu về tỷ lệ nữ được đào tạo trong các hoạt động khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm sử dụng ngân sách nhà nước. Bảo đảm các điều kiện để nữ giới được tiếp cận đầy đủ và bình đẳng tới các chính sách, chương trình thúc đẩy, hỗ trợ chuyển đổi từ việc làm phi chính thức sang việc làm chính thức.

3. Bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục-đào tạo

* Có chính sách đặc thù đối với một số dân tộc rất ít người, tạo điều kiện để các dân tộc này nâng cao học vấn nói chung và nâng cao học vấn cho phụ nữ và trẻ em gái nói riêng.

* Huy động và có cơ chế hiệu quả hỗ trợ người dân vùng DTTS đưa con trong độ tuổi đến trường. Mở rộng cơ hội cho học sinh DTTS được tham gia các trường PT dân tộc bán trú và PT dân tộc nội trú, đặc biệt là với các học sinh nữ.

* Cải thiện và cập nhật hệ thống số liệu về giáo dục có tách biệt giới tính, dân tộc ở tất cả các cấp học phổ thông (nhập học, đi học đúng độ tuổi, bỏ học, tốt nghiệp...) và cấp đại học, sau đại học (tỷ lệ tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp theo ngành học/ lĩnh vực)

* Đảm bảo ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục được tập trung ưu tiên cho giáo dục phổ cập ở vùng DTTS. củng cố, mở rộng các trường (khoa) dự bị đại học, nâng cao chất lượng đào tạo hệ dự bị đại học cho học sinh DTTS.

Đổi mới phương thức tuyển sinh theo hướng cử tuyển, chế độ dự bị đại học, đào tạo nghề cho đối tượng người dân tộc thiểu số, đặc biệt là phụ nữ. Có chính sách giải quyết việc làm đối với thanh niên dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp đại học, cao đẳng và đào tạo nghề; có cơ chế chăm lo đời sống cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4. Bình đẳng giới trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe

* Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách về dinh dưỡng, chú ý lồng ghép vấn đề dinh dưỡng đối với trẻ em, trẻ em gái vị thành niên, phụ nữ mang thai và đang cho con bú ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

* Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông - giáo dục sức khỏe, chú trọng vào truyền thông trực tiếp tại hộ gia đình thông qua mạng lưới nhân viên y tế thôn, bản nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân, đặc biệt là đồng bào các dân tộc thiểu số về lợi ích của việc khám thai định kỳ và sinh đẻ tại cơ sở y tế.

* Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, bổ sung nhân lực và đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ y tế chuyên ngành sản, nhi cho các bệnh viện tuyến huyện thuộc vùng dân tộc thiểu số.

Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến xã và nhân viên y tế thôn bản về dự phòng, phát hiện, xử trí tai biến sản khoa. Tiếp tục đào tạo cô đỡ thôn bản cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn nhằm hạn chế thấp nhất tỷ lệ phụ nữ đẻ không được nhân viên y tế đã qua đào tạo đỡ. Quan tâm đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế, có cơ chế đào tạo cán bộ có trình độ chuyên sâu là đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương.

Nhân rộng các mô hình can thiệp đã được đánh giá có hiệu quả trong việc giảm tử vong mẹ, tử vong trẻ em như mô hình “chuyển tuyến dựa vào cộng đồng”, mô hình “chăm sóc bà mẹ - trẻ sơ sinh liên tục từ gia đình, cộng đồng đến cơ sở y tế”.

5. Bình đẳng giới trong lĩnh vực đời sống gia đình

* Nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân vùng DTTS về vai trò và tầm quan trọng của chia sẻ trách nhiệm trong từng hộ gia đình.

Xây dựng và nhân rộng mô hình cụ thể hóa nguyên tắc “Các thành viên nam, nữ trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình” đã được quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Bình đẳng giới để tăng cơ hội gắn bó, hỗ trợ nhau, bảo đảm sức khỏe và thời gian cho các thành viên trong gia đình để cùng tồn tại và phát triển hài hòa. Triển khai các hoạt động truyền thông tập trung vào nam giới để nâng cao nhận thức của họ về bình đẳng giới; tổ chức các chiến dịch/các mô hình lôi cuốn sự tham gia của nam giới vào các hoạt động nhằm tăng cường kỹ năng làm việc nhà, chăm sóc trẻ em, cách kiểm soát nóng giận, kiềm chế bạo lực vv...

* Đảm bảo tất cả phụ nữ người dân tộc thiểu số, đặc biệt là phụ nữ nghèo, có quyền bình đẳng với các nguồn lực kinh tế, được tiếp cận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu các tài sản khác, các dịch vụ tài chính, quyền thừa kế và tài nguyên thiên nhiên, phù hợp với pháp luật quốc gia. Tạo điều kiện cho phụ nữ DTTS trong việc tiếp cận thông tin, vốn vay để phát triển kinh tế gia đình và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm.

6. Bình đẳng giới trong lĩnh vực bạo lực giới

* Nâng cao nhận thức về tác hại do tảo hôn và hôn nhân cận huyết gây nên tại những vùng có tỷ lệ kết hôn sớm, cưỡng ép kết hôn cao. Triển khai một số dự án ở các khu vực mà tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết còn phổ biến với sự tham gia của chính quyền địa phương, ngành giáo dục, các tổ chức đoàn thể và gia đình có thanh thiếu niên chưa kết hôn. Thành lập các trung tâm, cơ sở tư vấn, giáo dục tiền hôn nhân cho vùng DTTS.

* Hoàn thiện pháp luật phòng, chống mua bán người; phòng, chống bạo lực gia đình; phòng, chống bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em theo hướng xử phạt nghiêm minh và mang tính răn đe, có hình phạt kịp thời, nặng đối với các hành vi vi phạm.

* Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về pháp luật nhằm ngăn chặn và hạn chế bạo lực xảy ra đối với phụ nữ DTTS. Đưa kiến thức về bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái, bao gồm cả việc mua bán, bóc lột, lạm dụng tình dục và các hình thức bóc lột khác vào chương trình giáo dục tại các cấp học ở vùng DTTS.

* Tăng cường trách nhiệm của chính quyền địa phương, cơ quan công an xử lý các vụ việc bạo lực gia đình. Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ phụ nữ và trẻ em gái giải quyết khó khăn của bản thân, gia đình và những vấn đề liên quan khác vốn là những khía cạnh tiềm ẩn khả năng bị bạo lực, bao gồm cả việc mua bán, bóc lột, lạm dụng tình dục và các hình thức bóc lột khác. Vận động các cộng đồng vùng DTTS thực hiện phong trào “phòng, chống tội ác xâm hại tình dục phụ nữ và trẻ em gái”. Xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu để giám sát việc thực thi pháp luật đối với vấn đề bạo lực giới.

V. Khuyến nghị

Ngoài các giải pháp chung và cụ thể đã trình bày ở trên, đề tài có một số khuyến nghị chung sau đây với Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành.

1. Đối với Quốc hội

- Giám sát và kiểm tra chặt chẽ việc lồng ghép giới vào các văn bản quy phạm pháp luật. Bảo đảm quá trình lồng ghép giới vào văn bản quy phạm pháp luật phải được bắt đầu từ việc phân tích giới về tình hình và thực trạng bình đẳng giới. Tăng cường công tác giám sát việc thực hiện Luật Bình đẳng giới, Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 và Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016 – 2020 ở cấp độ quốc gia cũng như các địa phương, nhất là ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Để bảo đảm và thúc đẩy bình đẳng giới cần phải có nguồn lực tài chính bảo đảm, có sự phân bổ theo mục tiêu nhằm đảm bảo lồng ghép giới trong các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tiếp tục ưu tiên dành kinh phí cho nhiệm vụ bình đẳng giới, công tác xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

- Tiến hành tổng kết thi hành Luật Bình đẳng giới trước khi sửa chữa, điều chỉnh Luật cho phù hợp với tình hình mới, trong đó có những vấn đề liên quan đến công tác bình đẳng giới ở vùng DTTS. Tổng kết 10 năm thi hành Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ở vùng DTTS, trên cơ sở đó có những giải pháp mới nhằm thúc đẩy mạnh mẽ hơn sự tham gia của cán bộ nữ vào công tác lãnh đạo, quản lý.

2. Đối với Chính phủ

- Thực hiện lồng ghép giới vào việc xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, chính sách cho vùng dân tộc thiểu số. Trên cơ sở đó phê duyệt và triển khai các chính sách đặc thù về bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số.

- Phê duyệt, ban hành Đề án "Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào vùng biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn".

- Có sự phân công rõ ràng nhiệm vụ thực hiện mục tiêu bình đẳng giới cho các bộ, ngành và có chế độ kiểm tra tình hình thực hiện, chế tài về kết quả thực hiện của các bộ, ngành.

- Đảm bảo đủ nguồn lực để thực hiện các chương trình, chính sách liên quan đến bình đẳng giới khi được ban hành.

- Xây dựng kế hoạch điều tra, đánh giá các chỉ số bình đẳng giới trên tất cả các lĩnh vực theo định kỳ hàng năm, 3 năm hoặc 5 năm để có kết quả cụ thể, làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng và hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và của các địa phương.

- Đưa chỉ số bình đẳng giới vào các chỉ số đánh giá năng lực và mức độ phát triển của các địa phương cấp tỉnh

- Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế nhằm học tập, chia sẻ kinh nghiệm triển khai thực hiện Luật Bình đẳng giới và vận động nguồn lực hỗ trợ thực hiện các chính sách, pháp luật về bình đẳng giới.

3. Đối với các Bộ, ngành có liên quan

- Đối với Ủy ban Dân tộc

+ Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030 cần lồng ghép các mục tiêu về phát triển giới ở vùng dân tộc thiểu số trong tất cả các dự án thành phần. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá các chỉ tiêu bình đẳng giới trong tất cả các hoạt động của dự án.

+ Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được phân công trong việc thực hiện mục tiêu bình đẳng giới. Bố trí kinh phí đầy đủ cho việc thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới mà bộ, ngành được giao. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tình hình thực hiện và cung cấp các dữ liệu cần thiết cho cơ quan điều phối chung.

- Đối với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

+ Trong Chiến lược bình đẳng giới quốc gia có các nội dung ưu tiên cho nội dung bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số trong giai đoạn 2020- 2025. Chú trọng đến các chỉ số khó có thể đạt được trong những năm tới như chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ dân tộc thiểu số, mù chữ, tỷ lệ phụ nữ được đào tạo ở trình độ cao...

+ Phối hợp với các bộ, ngành liên quan trong triển khai thực hiện, giám sát các dự án, chương trình, chính sách có nội dung về bình đẳng giới. Chú trọng lồng ghép các chỉ số bình đẳng giới trong đánh giá các chương trình, dự án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của vùng dân tộc thiểu số.

+ Xây dựng chính sách đặc thù đối với vùng dân tộc thiểu số về bình đẳng giới. Thực hiện các cuộc khảo sát quốc gia để đánh giá tình trạng bình đẳng giới ở vùng DTTS qua các năm.

- Đối với Bộ Y tế

+ Triển khai và giám sát chặt chẽ việc thực hiện các chính sách đặc thù đối với việc chăm sóc sức khỏe phụ nữ dân tộc thiểu số.

+ Phối hợp chặt chẽ với Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội, Ủy Ban Dân tộc trong việc điều tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ về các chỉ số bình đẳng giới liên quan đến chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ và trẻ em dân tộc thiểu số

+ Phối hợp triển khai và thực hiện các tiểu dự án thành phần trong chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số liên quan đến chăm sóc sức khỏe.

- Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

+ Triển khai thực hiện và giám sát chặt chẽ việc hoàn thành các chỉ số bình đẳng giới liên quan đến giáo dục và đào tạo ở các vùng dân tộc thiểu số.

+ Phối hợp với các Bộ ngành liên quan và Ủy ban Dân tộc triển khai thực hiện lồng ghép giới trong các chỉ số đánh giá dự án, chính sách về giáo dục-đào tạo.

+ Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đối với phụ nữ và trẻ em gái vùng dân tộc thiểu số.

- Với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ ngành liên quan khác

+ Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, ngành khi triển khai các hoạt động về bình đẳng giới, tránh chồng chéo hoặc phân tán làm giảm hiệu quả của chương trình chung.

+ Phối hợp với Ủy ban Dân tộc thực hiện các dự án thành phần, giám sát chặt chẽ các chỉ số về bình đẳng giới ở từng tộc người thiểu số để đánh giá và điều chỉnh các hợp phần của dự án được phân công chủ trì.

- Đối với Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

+ Triển khai thực hiện các hoạt động của dự án thành phần. Đưa các chỉ tiêu về bình đẳng giới trong từng hoạt động của dự án để làm căn cứ đánh giá kết quả của dự án ở tất cả các vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Phối hợp cùng với Ủy ban Dân tộc giám sát và đánh giá các chỉ tiêu trong các dự án liên quan.

- Đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư căn cứ vào nội dung chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm của các Bộ, ngành bố trí đủ nguồn lực kinh phí để thực hiện, trong đó cần quan tâm ưu tiên cho vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

4. Đối với các địa phương vùng DTTS

- Lãnh đạo các địa phương cần nhận thức rõ vai trò của bình đẳng giới trong sự phát triển của địa phương, từ đó có kế hoạch hành động thích hợp thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới và phân bổ đủ kinh phí cho các hoạt động vì bình đẳng giới.

- Phân tích giới một cách toàn diện để có các chỉ tiêu phấn đấu và biện pháp sát hợp, khả thi, tạo động lực cho việc thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới.

- Thực sự quan tâm đến việc tham vấn các tổ chức liên quan đến bình đẳng giới và huy động sự tham gia thực chất của phụ nữ vào việc thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới ở địa phương.